|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 19/2023/NQ-HĐND | *Đắk Nông, ngày 13 tháng 12 năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung** **một số điều của** **Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Thực hiện Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Xét Tờ trình số 7046/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình**

1. Ngân sách địa phương bố trí đủ vốn đối ứng giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.

2. Vốn Chương trình bố trí cho cấp nào thì cấp đó bố trí vốn đối ứng. Ngân sách tỉnh hỗ trợ vốn đối ứng cho các địa phương, cụ thể như sau:

a) Huyện Tuy Đức và huyện Đắk Glong: hỗ trợ mỗi huyện 70%;

b) Huyện Krông Nô và huyện Đắk Song: hỗ trợ mỗi huyện 30%.

Riêng đối với nội dung hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1 Chương trình thực hiện theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định định mức hỗ trợ sử dụng ngân sách địa phương để xây dựng nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Phân bổ vốn sự nghiệp cho các cơ quan cấp tỉnh và cơ quan cấp huyện theo quy định phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** (ha) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. | 0,004 | a | 0,004 X a |
| 2 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình. | 0,004 | b | 0,004 X b |
| 3 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung. | 0,016 | c | 0,016 X c |
| 4 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ. | 0,1 | d | 0,1 X d |
| 5 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ. | 0,3 | đ | 0,3 X đ |
| 6 | Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ. | 0,12 | e | 0,12 X e |
|  | **Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6)** | - | - |  |

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn sự nghiệp cho Sở Y tế 100% tổng vốn của Dự án.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 15 như sau:

“a) Phân bổ vốn sự nghiệp cho Sở, ban ngành: 55% tổng vốn sự nghiệp Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc 20%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư 4%, Ban Dân vận Tỉnh ủy 8%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4%, Sở Giáo dục và Đào tạo 1%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 1%, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 2%, Sở Y tế 2%, Sở Tư pháp 1%, Sở Thông tin và Truyền thông 1%, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 1%.”

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Thời gian thực hiện: Các quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm ngân sách 2024.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương hoàn thành việc giải ngân hết số vốn đã giao năm 2023 và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3.GiaoThường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu từ ngày 23 tháng 12 năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Ủy ban Dân tộc;  - Các Bộ: Lao động- Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;  - Các Ban của HĐND tỉnh; Các Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;  - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - UBND các xã trên địa bàn tỉnh;  - Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;  - Đài PT-TH tỉnh; Báo Đắk Nông;  - Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;  - Website cơ quan;  - Lưu: VT, CT HĐND, HC-TC-QT, HSKH. | **CHỦ TỊCH**  **Lưu Văn Trung** |